BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
HUYỆN TRI TÔN - TỈNH AN GIANG

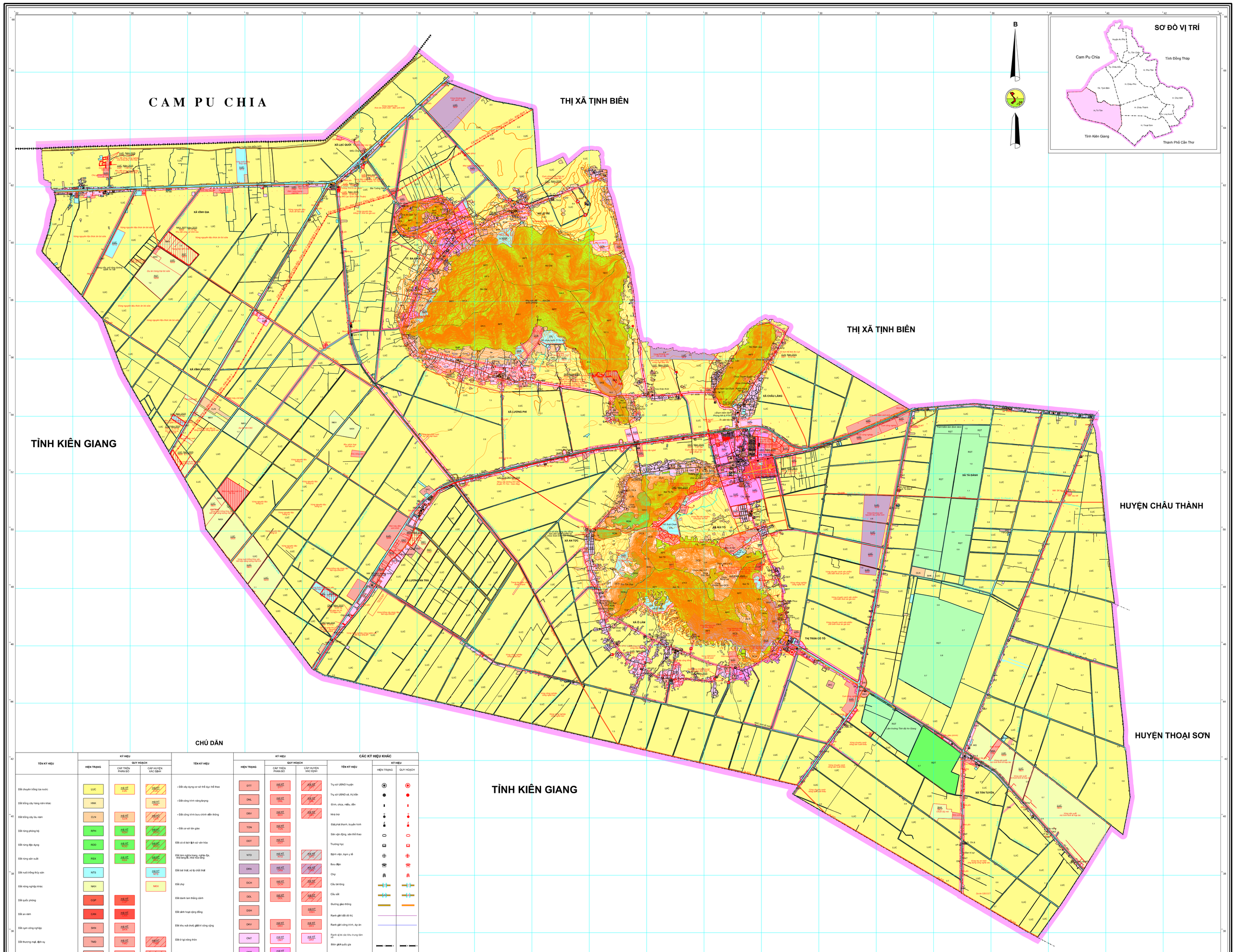

CHÚ DẪN

TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU			TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU		
	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH CẤP TRÊN PHÂN BỔ	QUY HOẠCH CẤP HUYỆN XÁC ĐỊNH		HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH CẤP TRÊN PHÂN BỔ	QUY HOẠCH CẤP HUYỆN XÁC ĐỊNH
Đất chuyên trồng lúa nước	LUC		mã HT LUC(C)	• Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	mã HT DTT(T)	mã HT DTT(C)
Đất trồng cây hàng năm khác	HNK		mã HT HNK	• Đất công trình năng lượng	DNL	mã HT DNL(T)	mã HT DNL(C)
Đất trồng cây lâu năm	CLN	mã HT CLN	mã HT CLN	• Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	mã HT DBV(T)	mã HT DBV(C)
Đất rừng phòng hộ	RPH	mã HT RPH(T)	mã HT RPH(C)	• Đất cơ sở tôn giáo	TON	mã HT TON(T)	
Đất rừng đặc dụng	RDD	mã HT RDD(T)	mã HT RDD(C)	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	mã HT DDT(T)	
Đất rừng sản xuất	RSX	mã HT RSX(T)	mã HT RSX(C)	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	mã HT NTD(T)	mã HT NTD(C)
Đất nuôi trồng thủy sản	NTS		mã HT NTS(C)	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	mã HT DRA(T)	mã HT DRA(C)
Đất nông nghiệp khác	NKH		NKH	Đất chợ	DCH	mã HT DCH(T)	mã HT DCH(C)
Đất quốc phòng	CQP	mã HT CQP(T)		Đất danh lam thắng cảnh	DDL	mã HT DDL(T)	mã HT DDL(C)
Đất an ninh	CAN	mã HT CAN(T)		Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		mã HT DSH(C)
Đất cụm công nghiệp	SKN	mã HT SKN(T)		Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	mã HT DKV(T)	mã HT DKV(C)
Đất thương mại, dịch vụ	TMD	mã HT TMD(T)	mã HT TMD(C)	Đất ở tại nông thôn	ONT	mã HT ONT(T)	mã HT ONT(C)
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	mã HT SKC(T)	mã HT SKC(C)	Đất ở tại đô thị	ODT	mã HT ODT(T)	
Trong đó:				Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	mã HT TSC(T)	mã HT TSC(C)
- Đất giao thông	DGT	mã HT DGT(T)	mã HT DGT(C)	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	mã HT DTS(T)	mã HT DTS(C)
- Đất thủy lợi	DTL	mã HT DTL(T)	mã HT DTL(C)	Đất tôn nướng	TIN	mã HT TIN(T)	mã HT TIN(C)
- Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	mã HT DVH(T)	mã HT DVH(C)	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	mã HT SON(T)	mã HT SON(C)
- Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	mã HT DYT(T)	mã HT DYT(C)		CSD	mã HT CSD(T)	mã HT CSD(C)
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	mã HT DGD(T)	mã HT DGD(C)				

CÁC KÝ HIỆU KHÁC		
TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU QUY HOẠCH
Trụ sở UBND huyện		
Trụ sở UBND xã, thị trấn		
Đình, chùa, miếu, đền		
Nhà thờ		
Đài phát thanh, truyền hình		
Sân vận động, sân thể thao		
Trường học		
Bệnh viện, trạm y tế		
Bưu điện		
Chợ		
Cầu bê tông		
Cầu sắt		
Đường giao thông		
Ranh giới đất đô thị		
Ranh giới công trình, dự án		
Ranh vị trí các khu trung tâm xã		
Biên giới quốc gia		
Ranh giới tỉnh		
Ranh giới huyện		
Ranh giới xã, thị trấn		
Đường dây điện		
Hồ, ao, vũng		
Kênh mương		
Điểm độ cao, ghi chú độ cao	123,5	
Đường bình độ		
Khoanh đất thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất		

DIỆN TÍCH, CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
(Tổng diện tích tự nhiên 60.071,95 ha)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG	ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN	ĐƠN VỊ TƯ VẤN
Ngày ..... tháng ..... năm 2024	*Ngày ..... tháng ..... năm 2024*	*Ngày ..... tháng ..... năm 2024*	*Ngày ..... tháng ..... năm 2024*
CHỦ TỊCH	**GIÁM ĐỐC**	**CHỦ TỊCH**	**TỔNG GIÁM ĐỐC**
Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu	Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu	Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu	Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu

NGUỒN TÀI LIỆU
- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tri Tôn
- Điều tra khảo sát năm 2024

TỶ LỆ 1 : 25 000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG
Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2025